

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

Số: 1/92/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kon Tum, ngày 10 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của
Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Đắk Glei

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 55/TTr-SKHĐT ngày 19/9/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Đắk Glei.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 28/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Đắk Glei.

Điều 3. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Glei chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, KT5, NNTNMT *Bel*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hải

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
LÂM NGHIỆP ĐẮK GLEI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 192/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong phạm vi Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “*Công ty*” có nghĩa là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Đắk Glei do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum làm chủ sở hữu;

b) “*Chủ sở hữu Công ty*” có nghĩa là Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, được Chính phủ giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với Công ty;

c) “*Đơn vị phụ thuộc*” có nghĩa là các đơn vị hạch toán phụ thuộc nằm trong cơ cấu Công ty;

d) “*Khoản trống*” là việc Công ty giao khoán đất cho hộ gia đình, cá nhân nhưng không có đầu tư, không thực hiện đúng quy định của hợp đồng giao khoán đã ký kết theo quy định của pháp luật về giao khoán đất và người nhận giao khoán đất tự đầu tư, tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và phải nộp sản phẩm hoặc tiền cho Công ty;

đ) “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

e) “*Người có liên quan*” có nghĩa là bất kỳ tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

g) “*Nghị định số 97/2015/NĐ-CP của Chính phủ*” có nghĩa là Nghị định 97/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ về Quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

h) “*Người quản lý Công ty*” bao gồm: Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty;

i) “*Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ*” là Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về Đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

k) “*Nợ phải trả ghi trên bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty*” được xác định là Mã 300 trên Bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty

nhưng không bao gồm các chỉ tiêu: “*Quý khen thưởng, phúc lợi - Mã 322*”, “*Quý bình ôn giá - Mã 323*” và “*Quý phát triển khoa học và công nghệ - Mã 343*”;

l) “*Pháp luật*” có nghĩa là tất cả các Luật, Nghị định, Quyết định, Thông tư, Quy định và các văn bản có hiệu lực pháp lý khác do bất kỳ một cơ quan Nhà nước nào ban hành (*các văn bản pháp lý này có thể sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm*) và có liên quan đến Công ty;

m) “*Tranh chấp*” có nghĩa là những mâu thuẫn, bất hoà về quyền và nghĩa vụ hợp pháp liên quan đến Điều lệ này hoặc việc vi phạm, chấm dứt hoặc hiệu lực của Điều lệ này;

n) “*Vốn chủ sở hữu ghi trên Bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty*” được xác định là Mã 410 trên Bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty.

2. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp, pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các văn bản khác có liên quan sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

3. Các tham chiếu của Điều lệ này tới quy định của văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 2. Tên doanh nghiệp, trụ sở chính

1. Tên doanh nghiệp:

a) Tên giao dịch bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP ĐẮK GLEI;

b) Tên giao dịch bằng tiếng Anh: DAK GLEI FORESTRY SINGLE MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY;

c) Tên viết tắt: **DAKGLEI FORESCO.**

2. Trụ sở chính của Công ty:

a) Địa chỉ: Xã Đăk Pét, huyện ĐăkGlei, tỉnh Kon Tum;

b) Điện thoại: 0603. 833578 - 0603. 834168;

c) Fax: 0603. 834241.

Điều 3. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Công ty tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Công ty có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động, ngành, nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích ngành lâm nghiệp do Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch hoặc đấu thầu; hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận; tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; tích lũy để đẩy mạnh quá trình tái sản xuất mở rộng, đồng thời thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm:

- a) Quản lý, bảo vệ rừng;
- b) Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- c) Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; sản xuất cây, con giống;
- d) Quy hoạch, khảo sát, thiết kế nông lâm nghiệp;
- e) Khai thác gỗ; Khai thác lâm sản khác ngoài gỗ; Sản xuất các sản phẩm từ gỗ và lâm sản ngoài gỗ;
- g) Trồng cây dược liệu, cây gia vị và cây hàng hóa khác;

Việc kinh doanh các lĩnh vực ngoài ngành (*các mục d, e, g*) phải được Chủ sở hữu thống nhất chủ trương.

3. Ngoài lĩnh vực kinh doanh nêu tại khoản 2 của Điều này, Công ty có thể mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh để đáp ứng yêu cầu phát triển trong từng thời kỳ theo quyết định của Chủ sở hữu Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 5. Mức vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm ngày 10/02/2015 là 10.230.000.000 đồng (*Mười tỷ, hai trăm ba mươi triệu đồng*).

2. Trong quá trình kinh doanh, tùy theo yêu cầu phát triển từng thời kỳ, Chủ sở hữu quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty sau khi được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư bổ sung vốn điều lệ.

Trình tự lập, phê duyệt hồ sơ và thực hiện đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho Công ty thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Khi điều chỉnh vốn điều lệ, Công ty đăng ký với Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum và công bố vốn điều lệ đã điều chỉnh.

Điều 6. Chủ sở hữu nhà nước

Nhà nước là chủ sở hữu của Công ty. Chính phủ thống nhất tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Công ty. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum được phân công thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật

Chủ tịch là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Quản lý nhà nước

Công ty chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

Chương II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 10. Quyền của Công ty

1. Quyền đối với vốn và tài sản:

a) Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt vốn và tài sản của Công ty để kinh doanh, thực hiện các lợi ích hợp pháp từ vốn và tài sản của Công ty theo quy định của pháp luật;

b) Được sử dụng vốn, tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Quản lý và sử dụng các tài sản, nguồn lực là đất đai, tài nguyên được Nhà nước giao hoặc cho thuê theo quy định của pháp luật để hoạt động kinh doanh và thực hiện các hoạt động công ích khi được Nhà nước yêu cầu;

d) Nhà nước không điều chuyển vốn nhà nước đầu tư tại Công ty và vốn, tài sản của Công ty theo phương thức không thanh toán, trừ trường hợp quyết định tổ chức lại Công ty hoặc thực hiện mục tiêu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

đ) Thực hiện các quyền khác đối với vốn và tài sản theo quy định của pháp luật.

2. Quyền trong kinh doanh:

a) Kinh doanh những ngành, nghề, lĩnh vực quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và được Chủ sở hữu thống nhất; mở rộng quy mô kinh doanh theo khả năng, nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Tìm kiếm thị trường, khách hàng trong nước và ngoài nước và ký kết hợp đồng;

c) Quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ của Công ty, trừ những sản phẩm, dịch vụ công ích và những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá;

d) Quyết định các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định khác có liên quan; sử dụng vốn, tài sản của Công ty để liên doanh, liên kết, góp vốn vào doanh nghiệp khác;

đ) Tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác theo quy định của pháp luật;

g) Tuyển chọn, ký kết hợp đồng lao động; bố trí, sử dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng lao động; lựa chọn hình thức trả lương, thưởng cho người lao động trên cơ sở hiệu quả sản xuất, kinh doanh và các quy định của pháp luật về lao động, tiền lương, tiền công;

h) Xây dựng, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, đơn giá tiền lương và chi phí khác trên cơ sở bảo đảm hiệu quả kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật;

i) Thực hiện các quyền khác trong kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Quyền về tài chính:

a) Huy động vốn để kinh doanh dưới hình thức vay vốn của tổ chức tín dụng và các tổ chức tài chính khác; của cá nhân, tổ chức ngoài doanh nghiệp; vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật;

Việc huy động vốn để kinh doanh thực hiện theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn huy động, không được làm thay đổi hình thức sở hữu Công ty;

Huy động vốn, sử dụng vốn vay đúng mục đích, tự chịu mọi rủi ro và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình huy động, quản lý, sử dụng vốn vay và trả nợ đúng hạn. Nhà nước không chịu trách nhiệm, nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản nợ do doanh nghiệp trực tiếp vay, trừ các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh;

b) Chủ động sử dụng vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty, được thành lập, sử dụng và quản lý các quỹ của Công ty theo quy định của pháp luật;

c) Quyết định trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên tắc mức trích khấu hao tối thiểu phải bảo đảm bù đắp hao mòn hữu hình, hao mòn vô hình của tài sản cố định và không thấp hơn tỷ lệ trích khấu hao tối thiểu do Bộ Tài chính quy định;

d) Được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá hoặc các chế độ ưu đãi khác của Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ hoạt động công ích, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo chính sách giá của Nhà nước không đủ bù đắp chi phí sản xuất sản phẩm, dịch vụ này của Công ty;

đ) Được hưởng các chế độ ưu đãi đầu tư, tái đầu tư theo quy định của pháp luật;

e) Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích;

g) Lợi nhuận của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận thực hiện còn lại được phân chia và sử dụng theo quy định của pháp luật. Trường hợp Công ty còn nợ đến hạn phải trả mà chưa trả hết thì chỉ được trích thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả người quản lý sau khi đã trả hết nợ đến hạn;

h) Chuyển nhượng, thanh lý, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền của Công ty trên nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn và theo quy định của pháp luật;

i) Có các quyền khác về tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Quyền tham gia hoạt động công ích:

a) Trên cơ sở đặt hàng, giao kế hoạch của Nhà nước, Công ty có nghĩa vụ tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ công ích đúng đối tượng, theo giá và phí do Nhà nước quy định;

b) Đối với nhiệm vụ công ích do Nhà nước giao, Công ty được bảo đảm điều kiện vật chất tương ứng;

Đối với các sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng thì Công ty được sử dụng phí hoặc doanh thu từ cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo đặt hàng của Nhà nước để bù đắp chi phí hợp lý phục vụ hoạt động công ích và bảo đảm lợi ích cho người lao động. Trường hợp không đủ thì được Nhà nước cấp bù phần chênh lệch;

c) Xây dựng, áp dụng các định mức chi phí, đơn giá tiền lương trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

d) Có các quyền khác về tham gia hoạt động công ích theo quy định của pháp luật.

5. Quyền quản lý lao động:

Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý lao động, tiền lương trong Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 11. Nghĩa vụ của công ty

1. Nghĩa vụ về vốn và tài sản:

a) Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư và vốn Công ty tự huy động, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số tài sản của Công ty. Thực hiện chế độ quản lý và sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận và các chế độ quản lý tài chính khác theo quy định của Nhà nước;

Mọi biến động về tăng, giảm vốn nhà nước đầu tư Công ty phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan tài chính để theo dõi, giám sát. Định kỳ hàng

năm phải đánh giá mức độ bảo toàn vốn của Công ty theo đúng quy định của pháp luật;

Phải xây dựng và ban hành quy chế nội bộ để quản lý, sử dụng các loại tài sản của Công ty. Quy chế phải xác định rõ việc phối hợp của từng bộ phận quản lý công ty, quy định rõ trách nhiệm bồi thường của từng bộ phận, cá nhân đối với các trường hợp làm hư hỏng, mất mát, gây tổn thất tài sản, thiệt hại cho Công ty;

b) Công ty thực hiện đánh giá lại tài sản theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ trong kinh doanh:

a) Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký;

b) Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh;

c) Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động và quyền tham gia quản lý Công ty của người lao động theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Chủ sở hữu Công ty;

đ) Tuân theo các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hóa, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường;

e) Thực hiện việc quản lý rủi ro và bảo hiểm cho tài sản, trách nhiệm, con người của Công ty trong sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật;

g) Chịu sự giám sát của Nhà nước trong thực hiện các quy định về thang, bảng lương; đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động, Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác;

h) Chịu sự giám sát, kiểm tra của Chủ sở hữu Công ty; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

i) Chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty về việc sử dụng vốn đầu tư để thành lập doanh nghiệp khác hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác;

k) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và được Nhà nước giao.

3. Nghĩa vụ về tài chính:

a) Quản lý, sử dụng có hiệu quả vốn kinh doanh, tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác do Nhà nước giao, cho thuê;

b) Chấp hành đầy đủ chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, các quỹ, chế độ hạch toán kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp pháp đối với các hoạt động tài chính của Công ty;

c) Thực hiện chế độ báo cáo tài chính, công khai tài chính hàng năm và cung cấp

các thông tin cần thiết để đánh giá trung thực về hiệu quả hoạt động của Công ty;

d) Hạch toán các hoạt động kinh doanh và hoạt động công ích theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

d) Thực hiện các nghĩa vụ khác về tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Nghĩa vụ khi tham gia hoạt động công ích:

a) Nhận nhiệm vụ công ích do Nhà nước giao hoặc đặt hàng;

b) Cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ theo đúng phạm vi, đối tượng, giá và phí mà Nhà nước quy định;

c) Thực hiện việc ký kết hợp đồng và hạch toán kinh tế, thanh quyết toán theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước Nhà nước về kết quả hoạt động công ích của Công ty; chịu trách nhiệm trước khách hàng, trước pháp luật về sản phẩm, dịch vụ công ích do Công ty trực tiếp thực hiện và cung ứng;

d) Thực hiện các nghĩa vụ công ích khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

Mục 1: QUYỀN, TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐỐI VỚI CÔNG TY

Điều 12. Quyền, trách nhiệm của Chủ sở hữu đối với Công ty

1. Quyết định tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản.

2. Quyết định chuyển giao vốn nhà nước tại Công ty giữa Chủ sở hữu Công ty và doanh nghiệp có chức năng đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước sau khi được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương.

3. Ban hành điều lệ, sửa đổi, bổ sung điều lệ; quyết định, điều chỉnh vốn điều lệ.

4. Phê duyệt chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm và hàng năm của Công ty.

5. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

6. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và quyền lợi khác của Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Kiểm soát viên, phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng hàng năm của viên chức quản lý Công ty.

Phê duyệt đề nghị của Chủ tịch Công ty về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.

7. Phê duyệt phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, dự án đầu tư ra ngoài Công ty, dự án đầu tư ra nước ngoài của Công ty đối với từng dự án có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhwung không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

8. Cấp vốn để thực hiện việc đầu tư vốn nhà nước vào Công ty sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định việc chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong trường hợp giá trị chuyển nhượng thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của Công ty sau khi đã bù trừ dự phòng tổn thất vốn đầu tư.

9. Quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; quyết định chủ trương tiếp nhận công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty con, công ty liên kết của Công ty.

10. Chấp thuận báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của Công ty.

11. Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, việc tuyển dụng lao động, thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng, nội dung về công bố thông tin của Công ty theo quy định đối với doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, có ý kiến về việc giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền đối với hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại Công ty.

12. Đánh giá kết quả hoạt động, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong quản lý, điều hành của Người quản lý Công ty, Kiểm soát viên.

13. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 13. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với Công ty

1. Chủ sở hữu Công ty có nghĩa vụ góp đầy đủ và đúng hạn vốn điều lệ cho Công ty.

2. Chủ sở hữu Công ty, các tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ Công ty và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những quyết định không đúng thẩm quyền.

3. Về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác:

a) Chủ sở hữu Công ty có nghĩa vụ về các khoản nợ và tài sản khác trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty. Chủ tịch Công ty, Giám đốc phải quản lý và điều hành Công ty bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác; xác định và tách biệt tài sản của Chủ sở hữu Công ty và tài sản của Công ty;

b) Chủ sở hữu Công ty thực hiện giám sát, kiểm tra, đánh giá các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty. Trường hợp phát hiện Công ty gặp khó khăn trong thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Chủ sở hữu Công ty yêu cầu và chỉ đạo Công ty có đề án khắc phục và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định;

c) Khi Công ty lâm vào tình trạng phá sản, Chủ sở hữu Công ty chỉ đạo Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty thực hiện thủ tục yêu cầu phá sản theo quy định

của pháp luật về phá sản.

4. Phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay:

a) Chủ sở hữu Công ty có nghĩa vụ thực hiện đúng thẩm quyền, đúng pháp luật khi phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của Công ty; giám sát thực hiện các quyết định và phê duyệt của mình;

b) Chủ tịch Công ty, Giám đốc phải thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của Công ty theo đúng chủ trương phê duyệt và quy định của pháp luật.

5. Chủ sở hữu có nghĩa vụ bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của Công ty; bảo đảm để Chủ tịch Công ty, Giám đốc chủ động quản lý, điều hành có hiệu quả Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Chủ sở hữu Công ty có trách nhiệm đôn đốc việc thực hiện chế độ báo cáo theo quy định. Trường hợp trong năm, Công ty không thực hiện báo cáo hoặc chậm nộp báo cáo mà không có lý do chính đáng, Chủ sở hữu sẽ xem xét việc chấp hành chế độ báo cáo của Công ty khi thực hiện xếp loại Công ty trong năm đó;

7. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 14. Hạn chế đối với quyền của Chủ sở hữu đối với Công ty

1. Chủ sở hữu Công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì Chủ sở hữu Công ty và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

2. Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Mục 2: KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 15. Số lượng, nhiệm kỳ, nguyên tắc hoạt động và chế độ làm việc của Kiểm soát viên

1. Số lượng và nhiệm kỳ Kiểm soát viên:

a) Công ty có 01 Kiểm soát viên là cá nhân do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm.

b) Kiểm soát viên có nhiệm kỳ không quá 05 năm và được Chủ sở hữu Công ty xem xét bổ nhiệm lại nếu hoàn thành nhiệm vụ và đáp ứng được các tiêu chuẩn, điều kiện của Kiểm soát viên. Mỗi cá nhân chỉ được bổ nhiệm làm Kiểm soát viên tại Công ty không quá 02 nhiệm kỳ.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và đánh giá hoạt động của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý

người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Điều lệ này.

Kiểm soát viên của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Kiểm soát viên mới được bổ nhiệm và tiếp quản công việc, nhưng không quá 60 ngày, kể từ khi hết hạn nhiệm kỳ.

2. Nguyên tắc hoạt động:

a) Kiểm soát viên hoạt động độc lập về nghiệp vụ, tuân thủ pháp luật và chỉ đạo của Chủ sở hữu Công ty. Chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình trước pháp luật và trước Chủ sở hữu Công ty, đảm bảo tính khách quan trung thực của các báo cáo, các kết luận giám sát và đề xuất của mình khi thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Kiểm soát viên;

b) Tôn trọng pháp luật và đảm bảo hoạt động bình thường, không gây gián đoạn trong hoạt động của Công ty;

c) Không được tiết lộ kết quả kiểm soát, không được tiết lộ bí mật của Công ty trong thời gian thực hiện chức năng, nhiệm vụ Kiểm soát viên và trong thời hạn tối thiểu là 02 năm sau khi thôi chức vụ Kiểm soát viên.

3. Chế độ làm việc:

a) Kiểm soát viên làm việc theo chế độ chuyên trách;

b) Kiểm soát viên độc lập và chủ động thực hiện các nhiệm vụ và công việc được phân công; đề xuất, kiến nghị thực hiện các nhiệm vụ, công việc kiểm soát khác ngoài kế hoạch, ngoài phạm vi được phân công khi xét thấy cần thiết.

Điều 16. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

1. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh từ bậc đại học trở lên và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc.

2. Không phải là người lao động của Công ty.

3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của đối tượng sau đây:

a) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty;

b) Chủ tịch Công ty;

c) Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.

4. Không được kiêm Giám đốc của doanh nghiệp khác.

5. Không được đồng thời là Kiểm soát viên, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước.

6. Đáp ứng điều kiện bổ nhiệm Kiểm soát viên được quy định tại Nghị định số 97/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

7. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ Kiểm soát viên.

1. Nhiệm vụ của Kiểm soát viên

a) Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cân trọng Chủ tịch Công ty và Giám đốc Công ty trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh tại Công ty, bao gồm các nội dung sau đây:

- Việc tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản đối với Công ty; việc thành lập mới công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; việc góp, nắm giữ, tăng, giảm vốn của Công ty vào công ty khác; việc thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết;

- Việc triển khai thực hiện Điều lệ của Công ty;

- Việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm, hàng năm của Công ty;

- Việc tăng vốn điều lệ; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

- Việc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty;

- Việc thực hiện các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác của Công ty;

- Việc thực hiện chế độ tài chính, phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty theo quy định của pháp luật;

- Việc thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng trong Công ty;

- Các nội dung khác do Chủ sở hữu Công ty quy định.

b) Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình Chủ sở hữu Công ty hoặc các cơ quan nhà nước có liên quan; trình Chủ sở hữu Công ty báo cáo thẩm định;

c) Kiến nghị Chủ sở hữu Công ty các giải pháp hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

d) Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu quyết định của Chủ sở hữu Công ty.

2. Quyền của Kiểm soát viên

a) Có quyền chất vấn Chủ tịch Công ty và Giám đốc về các kế hoạch, dự án hay chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý điều hành Công ty;

b) Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của Công ty; kiểm tra công việc quản lý điều hành của Chủ tịch Công ty và Giám đốc khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của Chủ sở hữu Công ty;

c) Xem xét, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Công ty, thực trạng vận hành và hiệu lực các quy chế quản trị nội bộ Công ty;

d) Yêu cầu Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin về bất cứ việc gì trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty;

đ) Yêu cầu những Người quản lý Công ty báo cáo về thực trạng tài chính, thực trạng và kết quả kinh doanh của công ty con khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

e) Trường hợp phát hiện Chủ tịch Công ty, Giám đốc và những Người quản lý khác làm trái các quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái các quy định đó; hoặc phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, làm trái các quy định về quản lý kinh tế, trái quy định Điều lệ Công ty hoặc các quy chế quản trị nội bộ Công ty phải báo cáo ngay cho Chủ sở hữu Công ty và cá nhân có liên quan;

g) Đề nghị Chủ sở hữu Công ty thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Kiểm soát viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;

h) Thực hiện các quyền khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Tiền lương và các chế độ của Kiểm soát viên

a) Lương, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty và được tính vào chi phí quản lý của Công ty;

b) Chủ sở hữu quyết định mức và chi trả tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ và quy định của pháp luật;

c) Chế độ chi trả tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành;

d) Kiểm soát viên được hưởng chế độ ưu đãi, phúc lợi và tham gia các hoạt động của Công ty như cán bộ, nhân viên khác tại Công ty.

4. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Chủ sở hữu Công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Chủ sở hữu Công ty và lợi ích hợp pháp của các bên tại Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Chủ sở hữu Công ty và Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

đ) Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật;

e) Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản này đều phải trả lại Công ty;

g) Trường hợp phát hiện Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Chủ tịch Công ty có nghĩa vụ báo cáo bằng văn bản đến Chủ sở hữu Công ty; yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 18. Miễn nhiệm, cách chức Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 16 của Điều lệ này;

b) Có đơn xin từ chức và được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận;

c) Được Chủ sở hữu Công ty hoặc cơ quan có thẩm quyền khác điều động, phân công thực hiện nhiệm vụ khác;

d) Trường hợp khác theo quy định tại Nghị định số 97/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Điều lệ này.

2. Kiểm soát viên bị cách chức trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 03 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d) Trường hợp khác theo quy định tại Nghị định số 97/2015/NĐ-CP của Chính phủ Nghị định và Điều lệ công ty.

Chương IV TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 19. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành Công ty

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Công ty gồm:

- a) Chủ tịch Công ty;
- b) Giám đốc;
- c) Các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
- d) Bộ máy giúp việc.

2. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Công ty có thể thay đổi để phù hợp với yêu cầu kinh doanh trong quá trình hoạt động.

Mục 1: CHỦ TỊCH CÔNG TY

Điều 20. Chủ tịch Công ty

1. Chức năng của Chủ tịch Công ty:

a) Chủ tịch Công ty là đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại Công ty, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty được giao tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật;

b) Chủ tịch Công ty có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ sở hữu Công ty, của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được quy định tại Điều lệ này, Luật doanh nghiệp và các văn bản quy định của pháp luật có liên quan;

c) Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty và trước pháp luật về mọi hoạt động của Công ty, về các quyết định của mình gây thiệt hại cho Công ty và cho Chủ sở hữu Công ty, về thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này, Luật doanh nghiệp và các văn bản quy định của pháp luật có liên quan.

2. Chủ tịch Công ty do Chủ sở hữu Công ty quyết định bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Chủ tịch Công ty có thể được bổ nhiệm lại.

3. Lương, thưởng và lợi ích khác của Chủ tịch Công ty do Chủ sở hữu Công ty quyết định và được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

4. Chủ tịch Công ty sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Công ty được quyền tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài tỉnh trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

5. Các quyết định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch quy định tại Điều lệ này phải được lập thành văn bản, ký tên với chức danh "Chủ tịch Công ty" trong trường hợp Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc.

6. Quyết định của Chủ tịch Công ty có giá trị pháp lý kể từ ngày được ký và đóng dấu với chức danh Chủ tịch Công ty, trừ trường hợp phải được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận.

7. Chủ tịch Công ty làm việc hằng ngày tại Công ty. Trường hợp vắng mặt ở

Việt Nam trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty và được sự chấp thuận của Chủ sở hữu Công ty; các trường hợp khác về ủy quyền thực hiện theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 21. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Công ty

1. Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của Công ty sau khi đề nghị và được Chủ sở hữu Công ty phê duyệt.

2. Chủ tịch Công ty quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của Chủ sở hữu về các nội dung sau đây:

a) Chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc;

c) Huy động vốn, đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, dự án đầu tư ra ngoài Công ty có giá trị của từng dự án từ 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty trở lên, tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án hoặc thời điểm huy động vốn;

d) Góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

đ) Tiếp nhận công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty con, công ty liên kết của Công ty;

e) Báo cáo tài chính; phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của Công ty.

3. Chủ tịch Công ty quyết định về các nội dung sau đây:

a) Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

b) Các vấn đề về lao động, tiền lương thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

c) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng theo pháp luật có liên quan. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng được thực hiện theo đề nghị của Giám đốc Công ty và ý kiến của cấp có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ hiện hành;

d) Quyết định hoặc ủy quyền cho Giám đốc quyết định phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền;

đ) Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ và quyết định thành lập đơn vị kiểm toán nội bộ của Công ty.

4. Chủ tịch Công ty quản lý, điều hành Công ty tuân thủ quy định của pháp luật và quyết định của Chủ sở hữu Công ty.

5. Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty trong quản lý, sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn, báo cáo kịp thời Chủ sở hữu Công ty khi Công ty hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành nhiệm vụ được giao và những trường hợp sai phạm khác.

6. Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất vốn, tài sản của Công ty.

7. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật.

Điều 22. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Chủ tịch Công ty

1. Là công dân Việt Nam; thường trú tại Việt Nam.

2. Tốt nghiệp đại học, có năng lực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp. Chủ tịch Công ty phải có kinh nghiệm ít nhất 03 năm làm công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành nghề có liên quan đến ngành kinh doanh chính của Công ty.

3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

4. Không đồng thời là cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc các chức vụ quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp khác.

5. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

6. Không từng là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, Giám đốc của các doanh nghiệp nhà nước mà bị cách chức, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

7. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Miễn nhiệm, thay thế Chủ tịch Công ty

1. Chủ tịch Công ty bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau đây:

a) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều lệ này;

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty;

d) Theo yêu cầu công tác, do thay đổi về tổ chức hoặc trong các trường hợp: Không đủ sức khỏe hoặc không còn đủ uy tín, điều kiện để giữ chức vụ Chủ tịch

Công ty của Công ty;

đ) Khi Công ty không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Chủ sở hữu Công ty giao mà không giải trình được nguyên nhân khách quan và được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận;

e) Không đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 22 của Điều lệ này.

2. Chủ tịch Công ty được thay thế trong những trường hợp sau đây:

a) Công ty không hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch hằng năm, không bảo toàn và phát triển vốn đầu tư theo yêu cầu của Chủ sở hữu Công ty mà không giải trình được nguyên nhân khách quan hoặc giải trình nguyên nhân không được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận;

b) Bị truy tố và bị Tòa án tuyên là có tội;

c) Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty;

d) Vi phạm ở mức độ rất nghiêm trọng quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn mại dâm và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Công ty thuộc diện tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu mà không tiến hành các thủ tục để tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu mà không có lý do được cấp có thẩm quyền chấp thuận;

e) Các trường hợp khác được quy định tại Nghị định số 97/2015/NĐ-CP của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày xảy ra một trong những trường hợp được nêu tại Khoản 1 Điều này, Chủ tịch Công ty phải kiến nghị Chủ sở hữu Công ty xem xét, quyết định việc tuyển chọn, bổ nhiệm người thay thế.

Điều 24. Nghĩa vụ của Chủ tịch Công ty

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Chủ sở hữu Công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Chủ sở hữu Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Chủ sở hữu Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà mình và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

5. Chấp hành các quyết định của Chủ sở hữu Công ty.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty thực hiện các hành vi quy định tại Khoản 5 Điều 42 Luật doanh nghiệp.
7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Mục 2: GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 25. Chức năng của Giám đốc Công ty

Giám đốc là người điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các quyết định của Chủ sở hữu Công ty và Chủ tịch Công ty, phù hợp với Điều lệ của Công ty và theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Chủ sở hữu Công ty và Chủ tịch Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Điều 26. Tuyển chọn, bổ nhiệm Giám đốc

1. Giám đốc do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Chủ tịch Công ty. Giám đốc được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ.

2. Người được tuyển chọn làm Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;
- b) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
- c) Tốt nghiệp đại học trở lên; có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý; có chuyên môn thuộc lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty; có ít nhất 03 năm kinh nghiệm tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty;
- d) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;
- đ) Không phải là người có liên quan của Chủ tịch Công ty, Thành viên Ban Kiểm soát nội bộ, Kế toán trưởng và Thủ quỹ Công ty;
- e) Không kiêm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành tại các cơ quan, đơn vị ngoài Công ty;

g) Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm theo quy định pháp luật.

3. Những đối tượng không được tuyển chọn để bổ nhiệm làm Giám đốc:

a) Người từng làm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, Giám đốc công ty nhà nước nhưng vi phạm kỷ luật đến mức bị cách chức, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn;

b) Thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Miễn nhiệm, cách chức đối với Giám đốc

Chủ sở hữu Công ty xem xét và quyết định miễn nhiệm, thay thế Giám đốc theo đề nghị của Chủ tịch Công ty trong những trường hợp sau đây:

1. Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 2, Điều 26 của Điều lệ này;

b) Có đơn xin nghỉ việc và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác được quy định tại Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

2. Giám đốc bị cách chức trong các trường hợp sau đây:

a) Công ty không bảo toàn được vốn theo quy định pháp luật;

b) Công ty không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh hằng năm;

c) Không có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh mới của Công ty;

d) Công ty vi phạm pháp luật hoặc có hoạt động kinh doanh trái với quy định của pháp luật;

đ) Vi phạm một trong số các nghĩa vụ của Người quản lý quy định tại Điều 24 của Điều lệ này;

e) Các trường hợp khác được quy định tại Nghị định số 97/2015/NĐ-CP của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

3. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm, cách chức, Chủ tịch Công ty xem xét, quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm người khác thay thế sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Chủ sở hữu công ty.

Điều 28. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc

1. Về nghĩa vụ:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Chủ tịch Công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà Giám đốc và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;

d) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác; thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty;

e) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

2. Về quyền hạn:

a) Tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ tịch Công ty;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty;

đ) Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty;

e) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty;

g) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Chủ tịch Công ty;

h) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Tuyển dụng lao động;

k) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ và quyết định bổ nhiệm.

Mục 3: BỘ MÁY GIÚP VIỆC VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Điều 29. Các Phó Giám đốc

1. Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền. Việc ủy quyền có liên quan đến việc ký kết hợp đồng hoặc liên quan tới việc sử dụng con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản, nêu rõ nội dung ủy quyền và thời hạn ủy quyền.

2. Chủ tịch Công ty quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Phó Giám đốc theo đề nghị của Giám đốc và ý kiến của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ hiện hành

3. Nhiệm kỳ của Phó Giám đốc theo nhiệm kỳ của Giám đốc và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng. Số lượng Phó Giám đốc không quá 03 người. Chủ tịch Công ty quyết định cơ cấu, số lượng Phó Giám đốc theo quy mô và đặc điểm sản xuất, kinh doanh của Công ty trong quá trình hoạt động.

Điều 30. Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng là người đứng đầu bộ máy kế toán của Công ty, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty; đề xuất các giải pháp và điều kiện tạo nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển Công ty; giúp Giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

2. Kế toán trưởng do Chủ tịch Công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Giám đốc sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Chủ sở hữu công ty.

Trình tự thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 97/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Nhiệm kỳ của Kế toán trưởng theo nhiệm kỳ của Giám đốc và có thể được bổ nhiệm lại.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của kế toán trưởng

a) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

b) Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ trung cấp trở lên;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;

d) Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 02 năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 03 năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ trung cấp, cao đẳng.

5. Trách nhiệm và quyền của kế toán trưởng

a) Kế toán trưởng có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong Công ty;
- Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán;
- Lập báo cáo tài chính tuân thủ chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán.

b) Kế toán trưởng có các quyền sau đây:

- Có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán;
- Có ý kiến bằng văn bản với Giám đốc về việc tuyển dụng, chuyển chuyển, tăng lương, khen thưởng, kỷ luật người làm kế toán, thủ kho, thủ quỹ;
- Yêu cầu các bộ phận liên quan trong Công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công việc kế toán và giám sát tài chính của kế toán trưởng;
- Bảo lưu ý kiến chuyên môn bằng văn bản khi có ý kiến khác với ý kiến của người ra quyết định;
- Báo cáo bằng văn bản cho Giám đốc khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán trong Công ty; trường hợp vẫn phải chấp hành quyết định

thì báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người đã ra quyết định hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định đó.

Điều 31. Phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ

1. Các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty trong quản lý, điều hành hoạt động của Công ty, thực hiện công việc theo sự phân công của Giám đốc Công ty; chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn đối với các đơn vị thành viên thuộc Công ty theo lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Chủ tịch Công ty quyết định cơ cấu, biên chế, số lượng, chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

3. Nhiệm vụ cụ thể của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ được quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Giám đốc Công ty trình Chủ tịch Công ty phê duyệt.

4. Trong quá trình hoạt động, Giám đốc Công ty có quyền đề nghị Chủ tịch Công ty thay đổi cơ cấu, biên chế, số lượng, chức năng và nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ cho phù hợp với nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 32. Kiểm soát nội bộ

1. Công ty có Ban kiểm soát nội bộ do Chủ tịch Công ty quyết định thành lập, trực thuộc Chủ tịch Công ty.

2. Ban kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Công ty trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý, điều hành trong Công ty; kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế, khắc phục các sai sót, rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

3. Chủ tịch Công ty quy định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện, tiền lương, tiền thưởng, các vấn đề khác có liên quan và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát nội bộ.

Điều 33. Chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh

1. Chi nhánh là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công ty kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của Công ty.

2. Văn phòng đại diện là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền của Công ty và bảo vệ các lợi ích đó. Tổ chức và hoạt động của văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật.

3. Địa điểm kinh doanh là nơi hoạt động kinh doanh cụ thể của Công ty. Địa điểm kinh doanh có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính.

4. Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do Chủ tịch Công ty quyết định, thành lập, giải thể theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Công ty hoạt động theo quy chế do Chủ tịch Công ty phê duyệt theo đề nghị của Giám đốc.

6. Giám đốc các đơn vị phụ thuộc phải tự chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật về việc quản lý vốn, tài sản được giao và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh theo sự phân cấp đã được Công ty quy định.

7. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị trực thuộc Công ty.

8. Chủ tịch Công ty, Giám đốc chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất, kinh doanh, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế quản lý tài chính và các nội dung thuộc trách nhiệm quản lý đã phân cấp cho Giám đốc đơn vị phụ thuộc theo quy định của pháp luật.

Mục 4: TIỀN LƯƠNG, THỦ LAO, TIỀN THƯỜNG

Điều 34. Tiền lương, tiền thưởng của Người quản lý Công ty và Kiểm soát viên

1. Người quản lý Công ty và Kiểm soát viên Công ty hưởng chế độ tiền lương, thưởng theo năm. Mức tiền lương và tiền thưởng tương ứng với kết quả, hiệu quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động quản lý do Chủ sở hữu quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Chế độ chi trả tiền lương, tiền thưởng như sau:

a) Hàng tháng, Người quản lý Công ty và Kiểm soát viên Công ty được tạm ứng 80% của số tiền lương tạm tính cho tháng đó, số 20% còn lại chỉ được quyết toán và chi trả vào cuối năm.

b) Tiền thưởng được chi trả cho Người quản lý Công ty và Kiểm soát viên Công ty căn cứ vào Quy chế quản lý tài chính của Công ty và các quy định khác của pháp luật; trong đó 90% tiền thưởng được thưởng vào cuối năm, 10% còn lại thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ.

Mục 5: CÁC MỐI QUAN HỆ

Điều 35. Quan hệ giữa Chủ tịch Công ty và Giám đốc trong quản lý, điều hành Công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ tịch Công ty nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc báo cáo với Chủ tịch Công ty để xem xét điều chỉnh lại quyết định. Trường hợp Chủ tịch Công ty không điều chỉnh lại quyết định thì Giám đốc có thể báo cáo Chủ sở hữu Công ty, nhưng vẫn phải thực hiện quyết định của Chủ tịch Công ty.

2. Giám đốc lập và gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh hằng tháng, quý, năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty cho Chủ tịch Công ty; có trách nhiệm báo cáo đột xuất về các vấn đề quản trị, tổ chức quản lý và điều hành của Công ty theo yêu cầu của Chủ tịch Công ty.

3. Giám đốc phải mời Chủ tịch Công ty hoặc người được Chủ tịch Công ty ủy quyền tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các báo cáo, đề án trình Chủ tịch Công ty hoặc trình Chủ sở hữu Công ty do Giám đốc chủ trì để phối hợp chuẩn bị nội dung có liên quan. Chủ tịch Công ty hoặc người được ủy quyền tham dự có quyền phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp.

Điều 36. Mối quan hệ giữa Kiểm soát viên, Chủ tịch Công ty và Giám đốc Công ty

1. Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty được Chủ sở hữu Công ty thông báo đầy đủ, kịp thời về việc bổ nhiệm Kiểm soát viên, chế độ hoạt động và nội dung nhiệm vụ của Kiểm soát viên tại Công ty.

2. Trường hợp Kiểm soát viên có dấu hiệu lợi dụng quyền hạn để gây cản trở cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty hoặc vi phạm các quy định của pháp luật, không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được Chủ sở hữu Công ty giao, Chủ tịch Công ty có quyền báo cáo Chủ sở hữu Công ty và thông báo cho Kiểm soát viên biết. Sau khi nhận được báo cáo của Chủ tịch Công ty, Chủ sở hữu Công ty có trách nhiệm xem xét, kết luận và đưa ra biện pháp xử lý kịp thời.

3. Chủ tịch Công ty (hoặc Giám đốc Công ty) phải gửi thông tin đến Kiểm soát viên cùng một thời điểm và cùng phương thức khi gửi thông tin đến Giám đốc Công ty (hoặc Chủ tịch Công ty) đối với các nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên.

4. Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty và người quản lý khác của Công ty phải đảm bảo để Kiểm soát viên thực hiện các quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ này; tạo điều kiện về cơ sở vật chất và điều kiện khác cho Kiểm soát viên tham gia các cuộc họp, tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao tại Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên phải gửi các báo cáo thuộc trách nhiệm được giao đến Chủ sở hữu Công ty và Chủ tịch Công ty trừ trường hợp có quy định khác của Chủ sở hữu. Trường hợp Chủ tịch Công ty có ý kiến khác Kiểm soát viên thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, Chủ sở hữu Công ty có trách nhiệm trả lời đối với những vấn đề có ý kiến khác biệt.

Mục 6: NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 37. Hình thức tham gia quản lý của người lao động

Người lao động tham gia quản lý Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu người lao động Công ty.
2. Tổ chức Công đoàn Công ty.

3. Ban Thanh tra nhân dân.

4. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Nội dung tham gia quản lý Công ty của người lao động

1. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất với cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy, quy chế nội bộ Công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;

b) Nội dung của dự thảo hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể trước khi ký kết;

c) Các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tiết kiệm nguyên vật liệu, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp bố trí lao động;

d) Phương án tổ chức lại, chuyển đổi Công ty;

đ) Tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý, điều hành Công ty khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật;

e) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tập thể người lao động trong Công ty có quyền tham gia giám sát:

a) Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị người lao động;

b) Việc thực hiện các nội quy, quy định, quy chế, Điều lệ của Công ty; thực hiện thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động;

c) Việc thu và sử dụng các loại quỹ do người lao động đóng góp;

d) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động; kết quả thi đua, khen thưởng hàng năm.

3. Hàng năm, Công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Chủ tịch Công ty đã thông qua; đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Công ty và những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

Điều 39. Quan hệ lao động trong Công ty

1. Quan hệ giữa Công ty và người lao động thực hiện theo các quy định pháp luật về lao động. Giám đốc lập kế hoạch để Chủ tịch Công ty thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong Công ty cũng như mối quan hệ giữa Công ty với các tổ chức Công đoàn của người lao động.

2. Hàng năm, người quản lý Công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động trong Công ty để bàn giải

pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Chủ tịch Công ty đã thông qua; đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Công ty và những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

3. Trường hợp Công ty có lao động dôi dư do sắp xếp lại sản xuất, kinh doanh thì việc giải quyết chế độ đối với lao động dôi dư theo các quy định của pháp luật.

Chương V

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TY

Điều 40. Quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành và phân phối lợi nhuận của Công ty

1. Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật, được cụ thể trong Quy chế quản lý tài chính của Công ty do Giám đốc xây dựng, báo cáo Chủ tịch Công ty trình Chủ sở hữu Công ty ban hành.

Nội dung Quy chế quản lý tài chính của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc quản lý tài chính đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Chủ tịch Công ty có trách nhiệm cụ thể hóa Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

2. Chủ tịch Công ty, Giám đốc chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty và trước pháp luật trong việc tổ chức quản lý chặt chẽ, đảm bảo tính đúng đắn, trung thực và hợp pháp của các khoản doanh thu, thu nhập khác và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 41. Tài chính, kế toán, kiểm toán

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 dương lịch và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch cùng năm.

2. Trước ngày 31 tháng 7 hằng năm, Giám đốc trình Chủ tịch Công ty phê duyệt kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính năm kế tiếp của Công ty theo quy định hiện hành. Chủ tịch Công ty có trách nhiệm gửi kế hoạch kinh doanh, tài chính và kế hoạch đầu tư phát triển hằng năm của Công ty đến Sở Tài chính để tổng hợp, làm căn cứ giúp Chủ sở hữu Công ty thực hiện giám sát, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Công ty phải tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành; lập, ghi chép chứng từ ban đầu, cập nhật số liệu trong sổ sách kế toán, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

4. Hàng năm, Công ty thực hiện việc thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm và kiểm toán nội bộ theo quy định.

5. Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp phải được kiểm toán trước khi nộp cho cơ quan nhà nước và trước khi công khai.

Chương VI

TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI, GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 42. Tổ chức lại Công ty

1. Chủ sở hữu Công ty quyết định tổ chức lại Công ty theo quy định của pháp luật.
2. Khi tổ chức lại, Công ty có nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 43. Chuyển đổi sở hữu Công ty

1. Công ty thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu theo quyết định của Chủ sở hữu Công ty dưới các hình thức sau:
 - a) Cổ phần hóa toàn bộ hoặc một bộ phận của Công ty;
 - b) Chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;
 - c) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.
2. Khi có quyết định chuyển đổi sở hữu, Công ty tiến hành chuyển đổi theo trình tự, thủ tục quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan về chuyển đổi sở hữu.

Điều 44. Giải thể Công ty

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau:
 - a) Kinh doanh thua lỗ ba năm liên tiếp vì lý do chủ quan của Công ty và có số lỗ lũy kế bằng 3/4 vốn nhà nước tại Công ty trở lên;
 - b) Khoán trắng, giao khoán đất nhưng không quản lý được đất đai và sản phẩm trên diện tích chiếm từ 3/4 tổng diện tích đất Công ty được giao, thuê;
 - c) Công ty không thực hiện được các nhiệm vụ do Nhà nước quy định sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết;
 - d) Việc tiếp tục duy trì Công ty là không cần thiết.
2. Trình tự, thủ tục giải thể Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 45. Trách nhiệm báo cáo và thông tin

1. Giám đốc có trách nhiệm gửi Chủ tịch Công ty những tài liệu sau đây theo định kỳ hàng quý:
 - a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty và các báo cáo khác theo quy định.

2. Chủ tịch Công ty có quyền yêu cầu Giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty.

3. Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Công ty.

Điều 46. Báo cáo và thông tin cho Chủ sở hữu Công ty

1. Chủ tịch Công ty lập và gửi Chủ sở hữu Công ty những tài liệu sau đây:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh và tài chính của Công ty;
- b) Báo cáo về tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty;
- c) Các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Các báo cáo định kỳ được lập và trình hàng quý. Báo cáo đột xuất được lập và gửi theo yêu cầu của Chủ sở hữu Công ty trong từng trường hợp.

Điều 47. Công khai thông tin

1. Chủ tịch Công ty có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước. Trong đó nêu rõ thẩm quyền, trách nhiệm, phân công nhiệm vụ của các cá nhân, bộ phận liên quan, báo cáo Chủ sở hữu Công ty để giám sát, đôn đốc thực hiện.

2. Giám đốc Công ty quyết định và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin ra bên ngoài Công ty. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Công ty chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Giám đốc hoặc người được Giám đốc ủy quyền.

3. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

4. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Giám đốc là người chịu trách nhiệm trong tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Chương VIII

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 48. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Điều lệ của Công ty được sửa đổi, bổ sung khi luật pháp hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định khác với quy định có liên quan trong Điều lệ này, hoặc trong trường hợp Chủ tịch Công ty thấy cần phải bổ sung, sửa đổi hoặc do Chủ sở hữu Công ty yêu cầu. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty do Chủ tịch Công ty trình Chủ sở hữu Công ty quyết định.

Điều 49. Quản lý con dấu của Công ty

1. Chủ tịch Công ty quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty. Con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Việc giải quyết tranh chấp nội bộ Công ty được thực hiện trên nguyên tắc hòa giải và căn cứ theo quy định tại Điều lệ này.

2. Trường hợp giải quyết tranh chấp theo Điều lệ này không được các bên chấp thuận, thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa ra các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Chương IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 51. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ sở hữu Công ty phê duyệt.

Điều 52. Phạm vi thi hành

1. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa quy định tại Điều lệ này hoặc các quy định mới của pháp luật mâu thuẫn với những quy định tại Điều lệ này thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Chủ tịch Công ty căn cứ vào Điều lệ này chỉ đạo Công ty, các tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Điều lệ này.

3. Các Quy chế nội bộ của Công ty do Chủ tịch Công ty, Giám đốc ban hành phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật./.

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC CÔNG TY
*(Ban hành kèm theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động
của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Gleì tại Quyết định số: ~~1192~~ 1192/QĐ-UBND
ngày ~~10~~ 10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

1. Chi nhánh Công ty TNHH Lâm nghiệp Đắk Gleì - LT Rừng Thông.
2. Chi nhánh Công ty TNHH Lâm nghiệp Đắk Gleì - LT Đắk Pô Kô.
3. Chi nhánh Công ty TNHH Lâm nghiệp Đắk Gleì - LT Đắk Ba.
4. Đơn vị Kinh doanh tổng hợp.